

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5-2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N- Sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Lộc Trạch I, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Cẩm Sơn, xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Mai Văn T - Sinh năm 1995

Trú tại: Lộc Trạch I, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị N và anh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành, nguyên đơn là chị Trịnh Thị N trình bày: Chị và anh Mai Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 06 tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm không đồng nhất . Anh T thường xuyên bỏ bê gia đình, chời bời không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Gia đình hai bên đã giàn xếp nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/3/2017 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung .

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa và cũng không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh T có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại: Lộc Trạch I, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có mặt tại phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh T vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình , không chăm lo ăn dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát và đã ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T không đến phiên hòa giải, cũng không có ý kiến giàn xếp đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Mai Văn T

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0003410 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Đồng Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu